TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **34**/2022/QĐST-DS	*Châu Thành, ngày 26 tháng 7 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Phát M**, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của ông Minh: Bà Ngô Thị Kim H, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị P**, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1943; Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bà **Ngô Thị Kim H**, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bà **Bùi Thị Thanh Bạch**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

+ Ông **Phạm Quốc H1**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

+ Bà **Âu Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Bùi Thị P, ông Phạm Văn Đ thống nhất mở cho nguyên đơn lối đi tại vị trí ký hiệu 2 - 1 diện tích 10,8m^2 thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đố 22 và vị trí ký hiệu 62-1 diện tích 18m^2 thuộc một phần thửa 62, tờ bản đồ số 27 do bà Bùi Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bà Âu Nguyễn Ngọc D thống nhất mở cho nguyên đơn lối đi tại các vị trị ký hiệu A diện tích 25m^2 thuộc một phần thửa số 688, tờ bản đố 26 và vị trí ký hiệu B diện tích 24,8m^2 thuộc một phần thửa 93, tờ bản đồ số 21 do bà Âu Nguyễn Ngọc D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Theo Họa đồ hiện trạng sử dụng ngày 24/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Châu Thành).

Hạn chế quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị P, bà Âu Nguyễn Ngọc D đối với phần diện tích làm lối đi ông Bùi Phát M, giới hạn chiều cao lối đi là 04m tính từ mặt đất

(*Có họa đồ kèm theo*)

- Ông Bùi Phát M có nghĩa vụ bồi thường cho bà Bùi Thị P và ông Phạm Văn Đ giá trị đất là 20.160.000 (Hai mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng; tiền cây trồng và chi phí di dời cây mai là 21.857.000 (Hai mươi mốt triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn) đồng. Tổng cộng ông Bùi Phát M có nghĩa vụ bồi thường cho bà Bùi Thị P và ông Phạm Văn Đ số tiền là 42.017.000 (Bốn mươi hai triệu không trăm mười bảy nghìn) đồng.

- Ghi nhận bà Âu Nguyễn Ngọc D tự nguyện không yêu cầu bồi thường.

- Các chi phí tố tụng, thu thập chứng cứ đã thực hiện là 3.792.000 (ba triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn) đồng do nguyên đơn tự nguyện chịu.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Phát M, bà Bùi Thị P, Phạm Văn Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Minh Hiền